TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 179/2024/QĐST-HNGĐ	*Lạng Giang, ngày 27 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 288/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024, giữa:

+ ***Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: TDP T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ ***Bị đơn*: Anh Trần Văn M,** sinh năm 1987.

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ở hiện nay: TDP T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, điểm a và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị L và anh Trần Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là

Trần Diệu L1, sinh ngày 13/4/2014, Trần Bảo L2, sinh ngày 07/9/2015. Anh Trần Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị L là 3.000.000 đồng/01 tháng/01 con, tổng số tiền cấp dưỡng là 6.000.000 đồng/01 tháng/02 con kể từ tháng 10/2024 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa xong thì bên phải thi hành án phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- *Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất canh tác*: Chị Bùi Thị L và anh Trần Văn M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Bùi Thị L phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con; Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007795 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị Bùi Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng